

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 19 /5 /2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm, ông Trịnh Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST – HNGĐ ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Q - Sinh năm: 1996.

Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Thôn C 1, xã Q, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn N – Sinh năm 1985

Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2019, bản tự khai ngày 10/02/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/12/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018 đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay chị Trịnh Thị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vũ Quý N - sinh ngày 19/9/2018 (giới tính: Nam), cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Từ khi sinh ra đến nay cháu N ở cùng với chị Q. Khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Vũ Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là anh Vũ Văn N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Vũ Văn N.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/3/2020, UBND xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nơi anh N đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V vào ngày 04/12/2017. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên là Vũ Quý N - sinh ngày 19/9/2018, nhưng vợ chồng mâu thuẫn nên chị Q đã mang theo con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện V để ở từ cuối năm 2018 cho đến nay. Anh N đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về địa phương. Hiện nay chị Q và anh N sống ly thân nhau.

Tại biên bản lấy lời khai đối với thân nhân của anh Vũ Văn N là bà Trịnh Thị L (mẹ đẻ của anh N) cho biết: Anh N và chị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2017, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới vợ chồng anh N, chị Q sống chung với bà. Quá trình chung sống với nhau anh N và chị Q đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chênh lệch về tuổi tác chị Q trẻ người, non dạ nên chưa suy nghĩ thấu đáo về

mọi việc nên vợ chồng cãi vã nhau vì những bất đồng trong cuộc sống. Chị Q đã bế con về nhà ngoại ở xã Q để ở, anh N đã nhiều lần đến bảo về nhưng chị Q kiên quyết không về, sau đó làm đơn xin ly hôn anh N, anh N cũng đồng ý ly hôn. Vì công việc nên anh N phải đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, nhưng thường xuyên liên lạc với bà và thỉnh thoảng cũng về nhà. Bà cũng đã nhận được các Giấy triệu tập, Thông báo, Quyết định của Tòa án và đã gọi điện đọc lại cho anh N nghe, bà cũng đã động viên anh N về để giải quyết nhưng anh N nói là công việc bận, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà có hỏi địa chỉ thì anh N bảo đi làm thợ xây theo công trình, nay đây mai đó nên không có địa chỉ cụ thể. Nay vợ chồng anh N, chị Q đã ly thân nhau, không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho chị Q được ly hôn anh N. Vợ chồng anh N, chị Q có 01 con chung tên là Vũ Quý N – sinh ngày 19/9/2018, cháu đang còn rất nhỏ, từ bé cháu đã ở với mẹ nên khi bà và anh N nói chuyện thì nguyện vọng của anh N là đề nghị giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm gửi tiền đóng góp nuôi con chung. Vợ chồng anh N, chị Q không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Quý N, chị không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh Vũ Văn N.

Giao con chung là Vũ Quý N, sinh ngày 19/9/2018 cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn N không phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q vì chị Q không có yêu cầu.

-Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị Q có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Vũ Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Vũ Văn N hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã L và thân nhân của anh N, anh N có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh vẫn về quê, anh N đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn Đ, xã L, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Vũ Văn N đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/12/2017. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ khi chị Trịnh Thị Q mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó hai

người không ai quan tâm đến ai và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Chị Trịnh Thị Q xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn N không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh N không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn N có 01 con chung tên là Vũ Quý N - sinh ngày 19/9/2018 (giới tính: Nam), cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh N trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển về trí lực và thể lực cho cháu bé, thấy rằng: Hiện tại cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, từ trước đến nay cháu N đang được chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Chị Q có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu bé về mọi mặt. Do đó, giao cháu Vũ Quý N cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Trịnh Thị Q không yêu cầu anh Vũ Văn N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của chị Q nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trịnh Thị Q có quyền làm đơn yêu cầu anh Vũ Văn N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

Anh Vũ Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trịnh Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40 Bộ luật dân sự; Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung Vũ Quý N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2018 (Giới tính: Nam) cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Vũ Văn N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trịnh Thị Q. Chị Q có quyền làm đơn yêu cầu anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

2.3. Anh Vũ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004603 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự– Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã L – V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang

